

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

“V/v Ly hôn và tranh
chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Hùng Em;

Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Phương – Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2022 và Thông báo về việc thay đổi ngày xét xử số: 03/2022/TB-TA ngày 19/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khóm X, TT. T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Trần Hồng P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khóm U, TT. T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2021, biên bản hòa giải ngày 08/6/2022 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh P được mai mối và kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 116, ngày 16/12/2008 tại UBND TT. T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi cưới, chị và anh P sống hạnh phúc và có sinh được 02 con chung tên Trần Hồng Đăng K, sinh ngày 25/8/2010 và Trần Hồng Kim N, sinh ngày 28/10/2013. Đến năm 2019, vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P nhậu

về nhiều lần hành hung đánh đập chị, chị đã nhiều lần khuyên can để vợ chồng chung sống để nuôi con, nhưng anh P không sửa đổi nên chị và anh P đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Từ khi chị và anh P ly thân với nhau cháu K do anh P nuôi dưỡng, còn cháu N do chị nuôi dưỡng.

Nay chị thấy tình cảm giữa chị với anh P không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hồng P.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hồng Đăng K, sinh ngày 25/8/2010 và Trần Hồng Kim N, sinh ngày 28/10/2013, hiện nay cháu K đang sống với anh P, cháu N đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu N, chị đồng ý giao cháu K cho anh P nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi cháu K.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ý kiến ngày 05/5/2022; biên bản hòa giải ngày 08/6/2022 anh Trần Hồng P trình bày: Thừa nhận anh với chị H được mai mối và kết hôn vào năm 2008, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116, ngày 16/12/2008). Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống rất hạnh phúc và có sinh được 02 con chung tên Trần Hồng Đăng K, sinh ngày 25/8/2010 và Trần Hồng Kim N, sinh ngày 28/10/2013. Về sau, cuộc sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh làm ăn bị thất bại nên vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chứ không phải anh nhậu nhẹt về đánh vợ như lời chị H trình bày. Anh và chị H đã ly thân từ năm 2021 đến nay, trong thời gian ly thân, vợ chồng không hàn gắn lại với nhau. Khi vợ chồng ly thân, cháu K do anh nuôi dưỡng, còn cháu N do chị H nuôi dưỡng.

Nay chị H yêu cầu ly hôn anh, anh không đồng ý theo yêu cầu của chị H, vì anh còn thương vợ, thương con. Anh muốn vợ chồng hàn gắn, chung sống lại để nuôi con.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Hồng Đăng K sinh ngày 25/8/2010 và Trần Hồng Kim N, sinh ngày 28/10/2013, hiện nay cháu K đang sống với anh, cháu N đang sống với chị H. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát về vụ án trên như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với ông P, không có mặt để tham phiên tòa là

chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản cho ông P theo quy định, nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh P.

Về con chung: Đề nghị tiếp tục giao con chung của chị H với anh P tên Trần Hồng Đăng K sinh ngày 25/8/2010, cho anh P nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con, do anh P không yêu cầu. Giao con chung của chị H với anh P tên Trần Hồng Kim N, sinh ngày 28/10/2013, cho chị H nuôi dưỡng, anh P không cấp dưỡng nuôi con, do chị P không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Hồng P và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về việc “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn có nơi cư trú tại khóm U, TT. T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Hồng P mặc dù được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H với anh Trần Hồng P là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do anh P nhậu nhẹt về hành hung vợ con, dẫn đến chị H và anh P ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Trong quá trình thu thập chứng cứ, anh P cũng thừa nhận nguyên nhân dẫn đến vợ chồng anh mâu thuẫn và ly thân với nhau, là do anh làm ăn thua lỗ điều kiện kinh tế không ổn định. Trong thời gian ly thân anh, chị không gặp nhau để hàn gắn, chung sống lại với nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải, động viên cho vợ chồng anh, chị hàn gắn, chung sống lại với nhau, nhưng cả 2 luôn cự cãi, mâu thuẫn nhau. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh P, là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh P có sinh được hai con chung tên Trần Hồng Đăng K sinh ngày 25/8/2010 và Trần Hồng Kim N, sinh ngày 28/10/2013. Từ khi chị H và anh P ly thân đến nay cháu K do anh P nuôi dưỡng, cháu N do chị H nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được tiếp tục

nuôi dưỡng cháu N, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý giao cháu K cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình thu thập chứng cứ, anh P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị H và anh P ly thân cho đến nay, cháu N do chị H nuôi dưỡng, cháu K do anh P nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, chị H và anh P vẫn đảm bảo cho cháu N và cháu K có cuộc sống ổn định, phát triển tốt. Mặt khác, tại đơn yêu cầu ngày 08/6/2022 cháu N có nguyện vọng được sống chung với chị H, cháu K có nguyện vọng được sống với anh P, nghĩ nên tiếp tục giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng và giao cháu K cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị H và anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị H và anh P được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, chị H và anh P đều trình bày: không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Trần Hồng P theo giấy chứng nhận kết hôn số 116, ngày 16 tháng 12 năm 2008, của Ủy ban nhân dân TT. T, huyện T.

Cho chị Nguyễn Thị Thu H với anh Trần Hồng P được ly hôn với nhau.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao con chung của chị Nguyễn Thị Thu H với anh Trần Hồng P tên Trần Hồng Kim N, sinh ngày 28/10/2013, cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi dưỡng.

Anh Trần Hồng P không cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu.

Tiếp tục giao con chung của chị Nguyễn Thị Thu H với anh Trần Hồng P tên Trần Hồng Đăng K sinh ngày 25/8/2010, cho anh Trần Hồng P nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Thu H không cấp dưỡng nuôi con, do anh P không yêu cầu.

Anh Trần Hồng P và chị Nguyễn Thị Thu H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con, có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003652 ngày 29/4/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND TT. T;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ

